

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23-6-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly
hôn và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Mạnh Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thuỷ Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lương Đức A, nơi cư trú: Thôn TK, xã ĐT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị B, nơi cư trú: Thôn TK, xã ĐT, huyện TL, thành phố Hải Phòn; có mặt;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị C, nơi cư trú: Thôn TK, xã ĐT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Bà Lương Thị D, nơi cư trú: Thôn TC, xã TCC, huyện TL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Ông Lương Văn E, nơi ở hiện tại: Thôn TK, xã ĐT, huyện TL, thành phố Hải Phòng vắng mặt;

- Bà Lương Thị F, nơi cư trú: Thôn TC, xã TCC, huyện TL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Ông Lương Văn G, nơi cư trú: Thôn LB, xã TQ, huyện HQ, tỉnh Bình Phước; vắng mặt;

- Ông Lương Văn H, nơi cư trú: Huyện BL, tỉnh Bình Phước; vắng mặt;

- Ủy ban nhân dân (UBND) huyện TL, thành phố Hải Phòng,

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Đoan - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TL, là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện TL, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 26/11/2020); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn là anh Lương Đức A trình bày:

Anh và chị Đặng Thị B tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Thắng từ ngày 12/4/1994. Vợ chồng chung sống với nhau được một năm, do bất hòa trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm đến nhau nên không hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân từ nhiều năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung là Lương Thị J đã chết năm 2013 và Lương Quý K, sinh năm 2001, đã đủ tuổi trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh không đồng ý với yêu cầu chia tài sản là diện tích 108m² đất ao tại Thôn TK, xã ĐT, huyện TL, thành phố Hải Phòng và hủy GCNQSDĐ của UBND huyện TL đã cấp cho ông Lương Văn L và bà Ngô Thị C. Vì diện tích trên là tài sản của bố mẹ anh, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Anh thừa nhận chữ viết “Lương Văn Tuyển” trong Biên bản chuyển giao nhận tiền thanh toán đền bù thu hồi đất vào ngày 15/6/2004 đúng là của anh nhưng thực tế anh không có mặt tại UBND xã Đại Thắng theo biên bản và không thực hiện việc mua bán đổi đất giữa UBND xã Đại Thắng và bà Ngô Thị C. Chị B là người đưa biên bản cho anh ký, vì tin tưởng chị B nên anh đã ký vào biên bản. Đối với chữ viết “Ngô Thị C” trong Biên bản nêu trên anh không biết có phải đúng của bà C hay không, anh không xác định được. Về số tiền 1.756.000 đồng theo biên bản trên anh không phải là người bỏ ra để nộp và cũng không biết ai là người nộp cho UBND xã Đại Thắng để trả cho mẹ anh. Diện tích 108m² đất ao

tại Thôn TK, xã ĐT, huyện TL, thành phố Hải Phòng là của UBND xã Đại Thắng đổi cho bố mẹ anh là ông Lương Văn L và bà Ngô Thị C. Do vậy, việc UBND huyện TL cấp GCNQSDĐ cho bố mẹ của anh là đúng theo quy định pháp luật.

Bị đơn là chị Đặng Thị B trình bày:

Chị và anh A tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Thắng, huyện TL từ ngày 12/4/1994. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 và chị chuyển ra ngoài ở nhà thuê. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh A trai gái, cờ bạc, thường xuyên đánh chị B. Năm 2013, chị cùng 02 con chuyển sang nhà của anh trai chị ở nhờ. Hiện nay chị và con trai vẫn đang ở căn nhà trên diện tích đất của anh trai chị B bỏ tiền ra mua và xây. Anh A viết đơn xin ly hôn, chị đồng ý vì xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, không có tiếng nói chung, không thể hòa giải với nhau.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lương Thị J, sinh năm 1994 đã chết năm 2013 và con chung Lương Quý K sinh năm 2001, đã đủ tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Năm 2004, Ủy ban nhân dân xã Đại Thắng làm đường dân sinh đi qua đất nông nghiệp của bà Ngô Thị C 91m². Ủy ban nhân dân xã Đại Thắng đề nghị đổi cho bà C sang diện tích đất nông nghiệp khác nhưng bà C không đồng ý đổi mà chỉ đồng ý bán cho Ủy ban xã. Ủy ban nhân dân xã Đại Thắng đã gọi chị B và anh A trao đổi về việc Ủy ban bán lại cho vợ chồng chị diện tích đất 108m² có vị trí phía Tây giáp nhà ông Lương Văn Bẩy, phía Bắc giáp đường ngõ xóm, phía Đông giáp mảnh ao Ủy ban nhân dân xã Đại Thắng, phía Nam giáp đất ở của bà Ngô Thị C và ông Lương Văn L. Với số tiền là 1.756.000đồng (91m² x 19.300đ). Vợ chồng chị đã cùng nhau bàn bạc và đồng ý mua lại diện tích 108m² đất ao trên. Việc mua bán được thể hiện trong Biên bản chuyển giao nhận tiền thanh toán đền bù thu hồi đất vào ngày 15/6/2004 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đại Thắng. Khi lập biên bản trên, anh A có mặt nhưng chị B là người nộp tiền. Sau khi lập biên bản xong, anh A đã ký vào biên bản. Sau khi nhận đất, vợ chồng chị đã sử dụng trồng cây suốt nhiều năm qua và không tranh chấp với ai.

Khoảng tháng 8/2009 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị muốn xây dựng căn nhà trên đất này để ở nhưng ông L không đồng ý. Chị đã đến hỏi công chức địa chính xã Đại Thắng thì mới biết phần đất này nằm trong cùng thửa đất của ông L, bà C và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông L, bà C.

Chị B yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 108m² đất ao tại Thôn TK, xã ĐT, huyện TL, thành phố Hải Phòng và hủy GCNQSDĐ số AH 256499

của UBND huyện TL, Hải Phòng cấp ngày 23/8/2006 cho ông Lương Văn L và bà Ngô Thị C (bao gồm cả phần diện tích 108m² đất ao của vợ chồng chị). Chị yêu cầu được nhận ½ diện tích đất trên bằng hiện vật, để sau này cho con trai của chị.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị C trình bày:

Bà C là mẹ đẻ của anh Lương Đức A. Nay anh A có yêu cầu ly hôn, bà yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, con chung giữa anh A và chị B tự giải quyết, bà không có ý kiến.

Bà và ông Lương Văn L có một thửa đất nông nghiệp giáp đường trục thôn. Năm 2004, Ủy ban nhân dân xã mở rộng đường trục thôn, thu hồi một phần diện tích đất nông nghiệp của vợ chồng bà và bồi thường tiền cho ông bà nhưng bà không nhớ số tiền bồi thường là bao nhiêu. Hiện bà đã tuổi cao không nhớ rõ thông tin, đặc điểm diện tích đất trước năm 2004. Đến năm 2006, khi Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có gia đình bà. Khi đó, ông L là người thực hiện việc kê khai, chỉ mốc giới đo đạc để làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà C không biết nên không rõ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Lương Thị D: Từ chối trình bày ý kiến quan điểm của mình vì không liên quan đến việc ly hôn, chia tài sản của anh A và chị B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Lương Thị F trình bày:

Chị Ninh là chị gái của anh A. Chị Ninh được ông L, bà C kể lại vào năm 2004, Ủy ban nhân dân xã Đại Thắng mở đường dân sinh có đi qua diện tích đất nông nghiệp của ông bà nên đã thu hồi một phần đất và đổi cho ông bà diện tích đất ao tập thể do xã quản lý giáp diện tích đất của ông L, bà C. Chị Ninh không biết quá trình đổi đất như thế nào, chỉ nghe bố mẹ kể lại. Ông L chết năm 2012, không có di chúc. Chị Ninh không biết diện tích đất của ông L, bà C được cấp như thế nào, hiện trạng sử dụng đất ra sao. Nay chị B có yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất 108m² mà chị B cho rằng nhận chuyển nhượng từ Ủy ban nhân dân xã Đại Thắng từ năm 2004, chị yêu cầu tòa án xem xét các tài liệu, chứng cứ, xác minh thu thập để giải quyết đúng pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Doan là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện TL trình bày:

Thời điểm năm 2006 việc lập hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất được thực hiện theo Điều 135 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003. UBND huyện TL cấp GCNQSD đất số

AH 256499, số vào sổ H 00995 ngày 23/8/2006 cho hộ ông Lương Văn L, bà Ngô Thị C đối với diện tích 2.207m^2 , thuộc thửa số 314, tờ bản đồ số 15, có địa chỉ tại thôn Trâm Khê, xã Đại Thắng, huyện TL, Hải Phòng. Trong đó bao gồm cả diện tích 108m^2 đất ao hiện nay các đương sự đang tranh chấp. Trong hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của UBND xã Đại Thắng không có Biên bản chuyển giao nhận tiền thanh toán đền bù thu hồi đất vào ngày 15/6/2004. Do vậy, UBND huyện TL cấp giấy dựa trên đơn đề nghị của ông Lương Văn L và bà Ngô Thị C.

Trong các tài liệu quản lý đất đai của UBND xã Đại Thắng có bản đồ giải thửa năm 2001 và sổ mục kê kèm theo thể hiện: Tờ bản đồ giải thửa số 15, Thửa đất số 314 có diện tích 1.232m^2 , loại đất thổ cư, chủ sử dụng ông Lương Văn L; thửa đất số 356, diện tích 841m^2 , loại đất ao, chủ sử dụng ông Lương Văn L, tổng 02 thửa là 2.073m^2 nhưng đo thực tế là 2.027m^2 . Trong hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất chỉ nêu thửa số 314, nhưng tổng diện tích là 2207m^2 ; mục đích sử dụng đất được xác nhận: đất ở 1.000m^2 , đất vườn ao 1.207m^2 .

Sơ đồ thửa đất thể hiện trong GCNQSD đất đối chiếu với bản đồ giải thửa xã Đại Thắng tờ số 15 thấy đã gộp cả thửa số 356 và một phần thửa số 291 (ao hộ ông Phạm Văn Là) vào thửa số 314 và ghi chung là thửa 314, diện tích 2.027m^2 . Trong GCNQSD đất số AH 256499, số vào sổ H 00995 ngày 23/8/2006 mang tên hộ ông Lương Văn L, bà Ngô Thị C phần thông tin thửa đất tại trang 2 ghi diện tích 2.207m^2 không thống nhất so với sơ đồ tại trang 3 ghi 2.027m^2 và không thống nhất về mục đích sử dụng đất (trong GCN ghi mục đích làm nhà ở là không đúng vì thực tế chỉ có 1000m^2 đất ở, còn lại 1.207m^2 là đất vườn.)

Do GCNQSD đất có sự sai số về diện tích đất và sai về mục đích sử dụng đất nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng hủy GCNQSD đất số AH 256499, số vào sổ H 00995 do UBND huyện TL cấp ngày 23/8/2006 cho hộ ông Lương Văn L, bà Ngô Thị C.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu chia tài sản của bị đơn, vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

Theo kết luận định giá, giá trị tài sản đang tranh chấp là $2.000.000\text{đ}/\text{m}^2$.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và yêu cầu chia tài sản chung, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện: Ông A và Bà B đều đồng ý ly hôn nên cần công nhận thỏa thuận này của hai bên.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung vợ chồng:

Quá trình giải quyết vụ án, Bà B xuất trình được bản gốc “Biên bản chuyển giao nhận tiền thanh toán đền bù và thu hồi đất nông nghiệp vào mục đích làm đường giao thông của bà Ngô Thị C, thôn Trâm Khê”. Ông A thừa nhận chữ viết Lương Văn Tuyển trong Biên bản giao nhận tiền là của ông A. Mặc dù người làm chứng là ông Đào Văn Thuận, nguyên chủ tịch UBND xã không nhớ ông A có tham gia hay không, cũng như việc cụ Toàn nhận tiền, anh A trả tiền như thế nào. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của ông Thuận, lời khai của ông Vinh (nguyên phó chủ tịch xã) và ông Tuyên trưởng thôn thì đều thống nhất nội dung: cụ Toàn chỉ đồng ý nhận tiền bồi thường và UBND xã đã bán đất cho vợ chồng ông A để lấy tiền trả cho cụ Toàn.

Trình bày của bị đơn và những người làm chứng phù hợp với biến động của diện tích đất cụ Toàn quản lý theo Bản đồ giải thửa năm 2001 và GCN QSDĐ năm 2006. Theo đó diện tích đất của gia đình cụ Toàn thời điểm cấp GCN QSDĐ 2006 tăng thêm so với diện tích thể hiện tại Bản đồ giải thửa năm 2001 do nhập thêm một phần đất ao. Phần đất của cụ Toàn theo bản đồ giải thửa năm 2001 ở phần phía Bắc giáp đường thôn chỉ dài 4m nhưng trong GCN QSDĐ năm 2006 phần này dài 14m. Trong đó phần đất ao của hộ ông Là tiếp giáp với đất của cụ Toàn ở cạnh phía Đông có chiều dài 14m. Phần diện tích tăng thêm này tương đương với diện tích 108m² UBND xã bồi thường. Như vậy có căn cứ khẳng định vợ chồng ông A đã mua diện tích 108m² của UBND xã. Yêu cầu của Bà B về chia tài sản chung vợ chồng là có căn cứ chấp nhận. Do đó ông A, Bà B mỗi người được hưởng 54m². Xét hoàn cảnh của Bà B hiện đang phải ở nhờ nên cần chia bằng hiện vật cho Bà B quản lý sử dụng.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Toàn: Do có sai sót về diện tích đất giữa trang 2 và trang 3; mục đích sử dụng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác với mục đích sử dụng trong Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa Ủy ban nhân dân huyện đã cấp cả phần diện tích thuộc quyền sở hữu của ông A Bà B vào diện tích đất của cụ Toàn, cụ Toàn nên cần thiết phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn nhưng có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị B có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng mâu thuẫn và đã ly thân nhiều năm đến nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng nên đã thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh A và chị B.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về yêu cầu chia tài sản chung: Anh A cho rằng diện tích đất 108m² tại Thôn TK, xã ĐT, huyện TL, thành phố Hải Phòng không phải là tài sản chung của vợ chồng nhưng thừa nhận chữ viết “Lương Văn Tuyên” tại phần người nộp tiền có trong Biên bản chuyển giao nhận tiền thanh toán đền bù thu hồi đất vào ngày 15/6/2004 cho bà Ngô Thị C là đúng. Bà C khai vào năm 2004, Ủy ban nhân dân xã mở rộng đường trục thôn, thu hồi một phần diện tích đất nông nghiệp của vợ chồng bà và bồi thường tiền cho ông bà nhưng bà không nhớ số tiền bồi thường là bao nhiêu. Các tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đại Thắng thể hiện vào năm 2004, Ủy ban nhân dân xã Đại Thắng mở rộng đường dân sinh có thu hồi 91m² đất của ông Lương Văn L và bà Ngô Thị C. Ủy ban nhân dân xã đề nghị trả lại cho ông L và bà C 108m² đất ao tại khu vực giáp đất của ông bà nhưng bà C yêu cầu để cho anh A trả tiền đất bồi thường cho bà, còn 108m² đất ao để anh A sử dụng. Ủy ban nhân dân xã Đại Thắng đã mời bà C và anh A đến Ủy ban xã làm việc và thống nhất nội dung chuyển giao đất, nhận tiền thanh toán nêu trên. Ngày 15/6/2004, Ủy ban nhân dân xã Đại Thắng đã lập biên bản chuyển giao nhận tiền thanh toán đền bù thu hồi đất nông nghiệp vào mục đích làm đường giao thông của bà Ngô Thị C. Xét thấy, nội dung xác minh trên phù hợp với lời khai của chị B và lời khai của bà C. Ngoài ra bà C khai ông L là người thực hiện việc kê khai, chỉ mốc giới đo đạc để làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà C không biết nên không rõ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào. Như vậy, bà C đã được nhận số tiền đền bù để đổi 108m² đất ao cho anh A và chị B nên diện tích đất ao 108m² là tài sản chung của anh A và chị B. Chị B có yêu cầu chia đôi diện tích này cho chị và anh A là có căn cứ theo Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh A và

chị B, mỗi người được quyền sử dụng, quản lý 54m² đất ao trị giá 108.000.000đồng.

[5] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện TL đã cấp cho hộ ông Lương Văn L, bà Ngô Thị C:

[5.1] Ủy ban nhân dân huyện TL đã cấp GCNQSD đất số AH 256499, số vào sổ H 00995 ngày 23/8/2006 cho hộ ông Lương Văn L, bà Ngô Thị C đối với diện tích 2.207m², thuộc thửa số 314, tờ bản đồ số 15, có địa chỉ tại thôn Trâm Khê, xã Đại Thắng, huyện TL, Hải Phòng. Trong đó bao gồm cả diện tích 108m² đất ao là tài sản chung của anh A và chị B như nhận định ở phần trên. Theo lời khai của đại diện Ủy ban nhân dân huyện TL thì trong hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của UBND xã Đại Thắng không có Biên bản chuyển giao nhận tiền thanh toán đền bù thu hồi đất vào ngày 15/6/2004 nên Ủy ban nhân dân huyện TL cấp giấy dựa trên đơn đề nghị của ông Lương Văn L và bà Ngô Thị C. Như vậy, ông L và bà C đã nhận tiền đổi đất từ chị B và anh A nhưng vẫn yêu cầu đăng ký quyền sử dụng 108m² đất ao đã chuyển đổi là hành vi không trung thực. Ủy ban nhân dân huyện TL khi xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không thẩm tra quá trình sử dụng đất của người sử dụng đất.

[5.2] Ngoài ra, phần thông tin thửa đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 256499, số vào sổ H 00995 ngày 23/8/2006 mang tên hộ ông Lương Văn L, bà Ngô Thị C tại trang 2 ghi diện tích 2.207m² không thống nhất so với sơ đồ tại trang 3 ghi 2.027m² và không thống nhất về mục đích sử dụng đất (trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi mục đích làm nhà ở là không đúng vì thực tế chỉ có 1000m² đất ở, còn lại 1.207m² là đất vườn). Với những sai sót như trên thấy cần thiết phải hủy GCNQSD đất số AH 256499, số vào sổ H 00995 do UBND huyện TL cấp ngày 23/8/2006 cho hộ ông Lương Văn L, bà Ngô Thị C như đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện TL và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Về án phí: Anh A và chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự chia tài sản chung đối với giá trị tài sản được hưởng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Đức A và yêu cầu chia tài sản chung, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Đặng Thị B:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lương Đức A và chị Đặng Thị B.

1.2. Về con chung: Con chung Lương Quý K, sinh năm 2001 đã đủ tuổi trưởng thành, anh A và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Đặng Thị B:

Diện tích đất ao 108m² tại Thôn TK, xã ĐT, huyện TL, thành phố Hải Phòng là tài sản chung của anh Lương Đức A và chị Đặng Thị B, hiện Ủy ban nhân dân huyện TL đã cấp cả diện tích đất ao này vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 256499, số vào sổ H 00995 ngày 23/8/2006 cho hộ ông Lương Văn L, bà Ngô Thị C.

Anh Lương Đức A được quyền quản lý, sử dụng 54m² đất ao có mốc giới M1-a-b-c-M1 (theo sơ đồ kèm bản án).

Chị Đặng Thị B được quyền quản lý, sử dụng 54m² đất ao có mốc giới a-M2-d-b-a (theo sơ đồ kèm bản án).

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 256499, số vào sổ H 00995 của Ủy ban nhân dân huyện TL cấp ngày 23/8/2006 cho hộ ông Lương Văn L, bà Ngô Thị C.

Anh Lương Đức A, chị Đặng Thị B, bà Ngô Thị C có nghĩa vụ liên hệ với Ủy ban nhân dân huyện TL, Hải Phòng để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Ủy ban nhân dân huyện TL có trách nhiệm đăng ký lại quyền sử dụng đất cho anh Lương Đức A, chị Đặng Thị B, bà Ngô Thị C khi họ có yêu cầu.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lương Đức A phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án huyện TL theo biên lai thu tiền số 0011788 ngày 14/5/2020. Anh A còn phải nộp 5.175.000đ (năm triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Chị Đặng Thị B phải chịu phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba

trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án huyện TL theo biên lai thu tiền số 0011902 ngày 21/9/2020 và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0011903 ngày 02/10/2020. Chị B còn phải nộp 4.875.000đ (bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân xã Đại Thắng, huyện TL, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Diệp